**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 1**

**MÔN NGỮ VĂN 7**

**Phần I: Văn bản**

Nắm được nội dung, ý nghĩa, bài học, các chi tiết đặc sắc và nghệ thuật nổi bật của các văn bản:

1. *Bầy chim chìa vôi*
2. *Đồng dao mùa xuân*
3. *Gặp lá cơm nếp*
4. *Một số văn bản đồng dạng ngoài chương trình*

**Phần II: Tiếng Việt**

Nhận diện và thực hành:

1. Từ láy
2. Nghĩa của từ
3. Biện pháp tu từ: So sánh, nhân hóa, ẩn dụ, điệp ngữ, nói giảm nói tránh
4. Mở rộng trạng ngữ
5. Số từ

**Phần III: Viết**

Trình bày suy nghĩ về một vấn đề mà em quan tâm:

-Suy nghĩ về hiện tượng học sinh lười học

-Trẻ em và việc sử dụng thiết bị công nghệ (sử dụng điện thoại di động).

-Suy nghĩ về vấn đề bạo hành trẻ em

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**Phần I: Văn bản**

1. **Bầy chim chìa vôi – Nguyễn Quang Thiều**

***a) Nội dung:***

- Kể về cuộc cất cánh của bầy chim chìa vôi non qua điểm nhìn của hai cậu bé Mên và Mon.

- Qua đó ca ngợi trái tim ngây thơ, tràn đầy tình yêu thương, nhân hậu của trẻ nhỏ.

***b) Nghệ thuật:***

 -Nghệ thuật xây dựng nhân vật: hai nhân vật Mên, Mon được xây dựng vừa mang những nét tính cách điển hình ở trẻ em (thơ ngây, hồn nhiên) vừa có những nét riêng đặc biệt (nhân hậu, dũng cảm). Tính cách các nhân vật được khắc hoạ rõ nét thông qua những lời đối thoại, hành động, cách ứng xử, cảm xúc và suy nghĩ.

- Sử dụng các chi tiết miêu tả nhỏ nhưng vô cùng sinh động, hấp dẫn và có ý nghĩa sâu sắc

**3. Đồng dao mùa xuân – Nguyễn Khoa Điềm**

***a) Nội dung:***

- Bài thơ khắc họa hình ảnh đẹp đẽ của người lính đã tham gia chiến đấu, hi sinh tuổi xuân của mình cho đất nước, dân tộc.

- Thể hiện tình cảm, lòng biết ơn của dân tộc ta đối với những người chiến sĩ đã hi sinh vì đất nước.

***b) Nghệ thuật***

- Thể thơ 4 chữ, cách chia khổ đặc biệt (có khổ thơ chỉ có 2,3 dòng thơ)

- Hình ảnh thơ giản dị

- Sử dụng kết hợp nhiều BPNT: nhân hóa, so sánh, nói giảm nói tránh, điệp...

**4. Gặp lá cơm nếp – Thanh Thảo**

***a) Nội dung:*** Qua bài thơ ta thấy được:

- Tình cảm gia đình hòa quyện không thể tách rời với tình yêu quê hương.

- Vẻ đẹp tâm hồn người lính thời chống Mĩ.

***b) Nghệ thuật:***

- Thể thơ năm chữ (tiếng) ngắn gọn, vần chân, nhịp linh hoạt.

- Từ ngữ, hình ảnh dung dị.

- Biện pháp tu từ: nhân hóa, liệt kê…

**Phần 2: Tiếng Việt**

1. **Nghĩa của từ:**

-Nghĩa của từ là nội dung mà từ biểu thị

- Để giải nghĩa từ, có thể dựa vào từ điển, dựa vào câu văn, đoạn văn mà

từ đó xuất hiện; với từ Hán Việt, có thể giải nghĩa từng thành tố cấu tạo nên từ.

Vd:Giải thích nghĩa của từ in đậm trong đoạn văn:

 *Đến cuối hang, chàng thấy có một chiếc cũi sắt. Một chàng trai* ***khô ngô tuấn tú*** *bị nhốt trong đó, chàng trai đó chính là Thái tử con vua Thủy Tề.*

**-Khô ngô tuấn tú:** có vẻ mặt đẹp, sáng sủa, thông minh.

1. **Các biện pháp tu từ:**

**a. Nhân hóa**: là biện pháp tu từ gán thuộc tính của người cho những sự vật không phải là người để làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt.

\* Ví dụ: *“Những làn gió thơ ngây”.*

Nhà thơ dung từ thơ ngây- thường dùng để nói về đặc điểm của con người, đặc biệt là trẻ em, để nói gió. Biện pháp tu từ nhân hóa khiến làn gió mang vẻ đáng yêu, hồn nhiên của trẻ nhỏ.

**b. Ẩn dụ:**

**\***Khái niệm: Ẩn dụ là gọi tên các sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nhau nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm.

\*Các kiểu ẩn dụ:

-Ẩn dụ hình thức:

Vd: *Về thăm nhà Bác Làng Sen*

*Có hàng râm bụt thắp lên lửa hồng.*

=> *Thắp*: ẩn dụ: hoa râm bụt đang nở hoa.

=> Thắp và nở đều có điểm chung về cách thức.

-Ẩn dụ phẩm chất

Vd: *Người Cha mái tóc bạc*

 *Đốt lửa cho anh nằm*

=> *Người cha*: ẩn dụ nói đến Bác Hồ

=> Người cha và Bác Hồ đều có điểm chung về phẩm chất

-Ẩn dụ cách thức

**Vd*:*** *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.*

=> Kẻ trồng cây đó là những con người lao động, những người tạo ra thành quả lao động.

-Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác

Vd: Trời nắng giòn tan.

**c. So sánh:**

-Là biện pháp đối chiếu sự vật, sự việc, hiện tượng này với sự vật, sự việc hay hiện tượng khác có đặc điểm, tính chất tương đồng nhằm tăng tính gợi hình gợi cảm cho biểu đạt. Qua đó giúp người đọc dễ dàng hình dung được sự vật, sự việc được nhắc đến và miêu tả một cách cụ thể sinh động.

-Biện pháp tu từ so chia thành hai dạng:

+ So sánh ngang bằng: Ví dụ: Tóc đen như gỗ mun

+ So sánh không ngang bằng: Những ngôi sao thức ngoài kia, chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con.

**c. Nói giảm nói tránh**

Nói giảm nói tránh là biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển tránh gây cảm giá quá đau buồn, nặng nề, tránh thô tục, mất lịch sự.

– Ví dụ như: Ông nội của em đã ra đi được một khoảng thời gian rồi nhưng tình thương của ông thì vẫn còn đâu đây rất gần.

“Đã ra đi” là câu sử dụng biện pháp nói giảm nói tránh cho việc đã chết.

**d. Điệp từ**

Là cách nhắc đi nhắc lại nhiều lần một từ hoặc cụm từ nhằm nhấn mạnh, gợi liên tưởng, tạo ấn tượng và tạo nhịp điệu trong cách diễn đạt.

Có 3 dạng điệp ngữ thường gặp là:

– Điệp cách quãng: Là lặp đi lặp lại các từ, cụm từ ngắt quãng với nhau, không có sự liên tiếp.

**Ví dụ:**

**Nghe** xao động nắng trưa

**Nghe**bàn chân đỡ mỏi

**Nghe** gọi về tuổi thơ

 (*Tiếng gà trưa*-Xuân Quỳnh)

– Điệp chuyển tiếp (còn được gọi là điệp vòng).

Vd:

Cùng trông lại mà cùng chẳng **thấy**

**Thấy** xanh xanh những mấy **ngàn dâu**

**Ngàn dâu** xanh ngắt một màu

Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai

 (*Chinh phụ ngâm* – Đặng Trần Côn)

– Điệp nối tiếp: Lặp đi lặp lại các từ, cụm từ nối tiếp với nhau.

**Ví dụ:**

“Hồ Chí Minh muôn năm!

Hồ Chí Minh muôn năm!

Hồ Chí Minh muôn năm!

Giây phút thiêng Anh gọi Bác ba lần.”

 ([**Tố Hữu**](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%91_H%E1%BB%AFu))

=> Trong đoạn thơ, cụm “Hồ Chí Minh muôn năm” chính là điệp ngữ nối tiếp.

**3. Từ láy**

\* Từ láy là một loại từ thuộc từ phức, có 2 tiếng trở lên có quan hệ với nhau về âm; có sự láy lại (lặp lại) phụ âm đầu, phầ vần hoặc toàn bộ.

\*Các loại từ láy:

 -Từ láy toàn bộ:

ví dụ như xanh xanh, ào ào, luôn luôn, xa xa

- Từ láy bộ phận:

 + Láy âm:

Vd: mếu máo, ngơ ngác, xinh xắn, mênh mông….

+Láy vần:

Vd: liu diu, đìu hiu, lao xao, liêu xiêu, chênh vênh….

**4. Mở rộng trạng ngữ bằng cụm từ**

-Có thể mở rộng trạng ngữ bằng các cụm danh từ, cụm động từ hoặc cụm tính từ.

-Việc mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ làm cho các thông tin về thời gian, địa điểm, cách thức, phương tiện, nguyên nhân, mục đích....của sự việc được nói đến trong câu được chi tiết và rõ ràng hơn.

Vd: Đêm hôm đó, trời mưa như trút nước.

-> “Đêm hôm đó”: Trạng ngữ là một cụm danh từ -> trạng ngữ ở câu được mở rộng, cung cấp thông tin về thời gian xảy ra sự việc một cách cụ thể hơn.

**5. Số từ:**

-Là những từ chỉ số lượng hoặc thứ tự của sự vật

Vd:  một, hai, ba,., (chỉ số lượng); nhất, nhì, ba, tư,… (chỉ thứ tự)

**Phần 3: Viết:**  Trình bày suy nghĩ về một vấn đề mà em quan tâm:

-Đề 1: Suy nghĩ về hiện tượng học sinh lười học

-Đề 2: Trẻ em và việc sử dụng thiết bị công nghệ (sử dụng điện thoại di động).

-Đề 3: Suy nghĩ về vấn đề bạo hành trẻ em

Gợi ý:

**-Đề 1: Suy nghĩ về hiện tượng hs lười học**

***1. Mở bài:***

Giới thiệu và dẫn dắt vào vấn đề cần nghị luận: hiện tượng lười học của học sinh.

Lưu ý: học sinh tự lựa chọn cách dẫn mở bài trực tiếp hoặc gián tiếp tùy theo năng lực của bản thân mình.

***2. Thân bài:***

***a. Giải thích hiện tượng lười học ở học sinh:***-Lười học là những hs không có tinh thần học tập, ham chơi, không chịu nghe giảng, không làm bài tập, không thuộc bài khi dến lớp

***b. Thực trạng của học sinh lười học hiện nay:***- Tỷ lệ học sinh bỏ học, trốn tiết ngày càng nhiều
-Nhiều bạn học sinh chỉ mải chơi không tập trung vào việc học, trên lớp nói chuyện riêng không nghe giảng, về nhà lại đi chơi bỏ mặc bài tập cũng như việc học của mình.

-Hằng ngày đến lớp với tình trạng bài tập chưa làm, bài cũ không hiểu, bài mới chưa chuẩn bị.

***c. Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng lười học ở học sinh hiện nay:***- Do cá nhân học sinh: lười nhác học tập, bị lôi kéo, nghiện game, học tập đua đòi theo bạn bè, không có mục dích phấn đấu, không có ước mơ,….
- Gai đình: cha mẹ không yêu thương chăm sóc con cái, tạo áp lực cho con trong học tập làm con chán nản, chưa có sự quan tâm đến con cái,….

- Nhà trường: thầy cô giáo chưa tạo được sự hứng thú trong học tập đối với học sinh, có nhiều cách dạy bảo thủ, chương trình học nặng nề, áp lực thành tích,….
- Xã hội: hòa nhịp với sự phát triển của xã hôi tiếp thu nền văn hóa không tốt của thế hệ học sinh, mê thế giới ảo,….
***d. Hậu quả***

-Bị hổng kiến thức, chán học, dễ sa vào các tệ nạn xã hội.

-Ảnh hưởng đến tư duy cũng như sự phát triển toàn diện, cách làm người của các em.

-Ảnh hưởng tới sự phát triển của xã hội.

***e. Biện pháp tránh hiện tượng lười học ở học sinh:***- Cá nhân học sinh phải hiểu rõ trách nhiệm của mình, có niềm say mê học tập, không bị dụ dỗ bởi các trò chơi vô bổ
- Gia đình quan tâm và chăm sóc con em nhiều lơn
- Nhà trường chú ý tới học sinh, đưa các chương trình giảng dạy độc đáo và thú vị để gây hứng thú cho học sinh

***g. Liên hệ bản thân***

-Bản thân học sinh cần đề cao ý thức tự giác trong việc học, rèn luyện bản thân, tích lũy kiến thức để trở thành công dân có ích cho xã hội.

-Tích cực tham gia các hoạt động tập thể của trường lớp để rèn luyện những kĩ năng mềm cho bản thân.

-Sống chan hòa, yêu thương với những người xung quanh, tạo dựng một cuộc sống tích cực, tốt đẹp.

***3. Kết bài:*** nêu cảm nghĩ của em về hiện tượng lười học của học sinh hiện nay
- Tự hiểu rõ mình là tương lai của đất nước
- Ra sức học tập và làm việc

**-Đề 2: Trẻ em và việc sử dụng thiết bị công nghệ (sử dụng điện thoại di động).**

**1. Mở bài**

-Hiện nay, hầu hết các bậc phụ huynh đều trang bị cho con em mình điện thoại di động để liên lạc, hoặc truy cập mạng Internet tìm tư liệu học tập.

-Thế nhưng, một bộ phận học sinh lại sử dụng nó chưa đúng cách, với mục đích chưa tốt.

**2. Thân bài**

***a) Giải thích***

- Điện thoại di động, còn gọi là điện thoại cầm tay, là loại điện thoại kết nối dựa trên sóng điện từ vào mạng viễn thông. Nhờ có kết nối sóng (kết nối không dây), mà điện thoại di động thực hiện trao đổi thông tin khi đang di chuyển.

***b) Thực trạng***

- Điện thoại thông minh đang được học sinh sử dụng phổ biến trong nhiều trường học:

+Sử dụng điện thoại chưa đúng cách: dùng ngay trong các giờ học, để nhắn tin nói chuyện riêng; trong các giờ kiểm tra thì dùng tải tài liệu trên Internet để đối phó…

+Sử dụng điện thoại với mục đích chưa tốt: dùng tải các hình ảnh, các loại văn hóa phẩm đồi trụy, hoặc phát tán các clip có nội dung xấu lên mạng; dùng để trêu chọc người khác thái quá (nhắn tin hù dọa, nháy máy)...

***b) Nguyên nhân***

-Xã hội ngày càng phát triển, đời sống con người được nâng cao, điện thoại thông minh trở thành vật không thể thiếu đối với con người

-Nhiều gia đình có điều kiện, chiều con nên trang bị cho con mình điện thoại nhiều chức năng nhưng lại không quản lí việc sử dụng của con em mình

-Học sinh lười học, ý thức chưa tốt.

-Thiếu hiểu biết, lạm dụng các chức năng của điện thoại

***c) Hậu quả***

-Sử dụng điện thoại trong giờ học: không hiểu bài, hổng kiến thức, sử dụng trong các giờ kiểm tra: tạo ra thói quen lười biếng, ỷ lại…

-Sử dụng điện thoại với mục đích xấu: ảnh hưởng đến đời sống tinh thần của những người xung quanh, vi phạm chuẩn mực đạo đức, vi phạm pháp luật.

***d) Biện pháp khắc phục***

-Bản thân học sinh cần có ý thức tự giác trong học tập; cần biết sống có văn hóa, có đạo đức, hiểu biết pháp luật.

-Gia đình: quan tâm hơn tới các em, gần gũi, tìm hiểu và kịp thời giáo dục con em…

-Nhà trường, xã hội: siết chặt hơn trong việc quản lí.

***e. Bài học nhận thức và hành động***

- Nhận thức: Nhận thức được những ưu, nhược mà điện thoại thông minh mang lại cho con người để sử dụng chúng một cách hiệu quả, đem lại ích lợi cho cuộc sống, công việc cũng như trong học tập.

- Hành động:

+Biết kiểm soát chừng mực mỗi hành vi của mình, trang bị những kỹ năng sống cần thiết.

+Sử dụng điện thoại đúng mục đích.

+Đầu tư cho việc học tập, tránh lãng phí thời gian vô bổ.

+Luôn có ý thức rèn luyện tu dưỡng bản thân, bồi đắp vốn sống, vốn văn hóa chuẩn mực, phù hợp với luật pháp, đạo đức.

**3. Kết bài**: khẳng định lại vấn đề:

-Điện thoại di động chỉ là công cụ bổ trợ cho cuộc sống thêm tốt đẹp, chúng ta đừng biến nó thành thứ phá hủy cuộc sống của chính mình.

-Hãy sử dụng đúng lúc, đúng chỗ.

 **-Đề 3: Suy nghĩ về vấn đề bạo hành trẻ em**

**1. Mở bài:** Giới thiệu vấn đề nghị luận: Bạo hành trẻ em

**2. Thân bài**

***a) Giải thích***

-Bạo hành: Là hành động và lời nói có tính chất vũ phu, bạo ngược, thậm chí là độc ác như lăng mạ, đay nghiến, xỉ vả, xúc phạm, chà đạp, đánh đập, tra tấn... bất chấp pháp luật, đạo lý, làm tổn thương thể xác và tinh thần của người khác.

- **Bạo hành trẻ em:** bao gồm tất cả những hành vi đối xử tệ bạc về thể chất hay tinh thần, gây nguy hại đối với sức khỏe, nhân phẩm, ảnh hưởng tới sự phát triển của đứa trẻ.

***b) Thực trạng :***

**-**Có nhiều vụ bạo hành trẻ em ở nước ta trong thời gian gần đây không chỉ ở gia đình mà còn ở trường học, lớp học, ở nhiều địa phương,…

Bạo hành trẻ em còn nhiều biểu hiện qua việc mắng nhiếc, dọa nạt hay khủng bố tinh thần các em.

***c) Nguyên nhân:***

-Do sự tàn nhẫn , vô cảm, suy đồi về nhân cách, đạo đức của con người ngày càng đi xuống

-Ảnh hưởng của cuộc sống, áp lực gia đình,…

-Nhận thức chưa cao, trình độ dân trí thấp

…

***d) Hậu quả***

**-**Để lại những tổn thương về thể xác và tinh thần.

-Thể chất suy kiệt, trẻ chậm phát triển, có thể bị trầm cảm, rối loạn hành vi.

-Trẻ sống trong môi trường thường xuyên bị đánh đập, xúc phạm thì sẽ dễ trở thành những người nóng tính, cọc cằn, có xu hướng bạo lực, thậm chí trở thành tội phạm.

***e) Biện pháp***

-Gia đình, xã hội và mỗi cá nhân cần có ý thức, biện pháp giáo dục, quan tâm đến trẻ nhỏ.

-Nâng cao nhận thức của xẫ hội, tăng cường trách nhiệm của gia đình, nhà trường, cộng đồng về hậu quả của bạo hành trẻ em.

-Gia đình phải là tấm gương để con cái noi theo, có trách nhiệm, yêu thương, chăm sóc con cái.

-Tuyên truyền, vận động cộng đồng không thờ ơ, vô cảm với nạn bạo hành trẻ em.

**3. Kết bài:** Khẳng định lại vấn đề nghị luận về liên hệ bản thân.